

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2020/HC-PT

Ngày: 19/8/2020.

*V/v khiếu kiện quyết định hành chính  
hành vi hành chính trong lĩnh vực  
quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Bình;

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Xuân Trọng;

Ông Nguyễn Văn Cường.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:* Ông Vũ Hồng Điệp - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 172/2020/TLPT-HC ngày 17 tháng 3 năm 2020 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 28/2019/HC-ST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5760/2020/QĐPT-HC ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Trương Xuân B, sinh năm 1955; địa chỉ: Khối 9, phường Q, thành phố V, tỉnh N; có mặt.

2. *Người bị kiện:*

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sỹ C - Phó Chủ tịch UBND thành phố V; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.2. Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh N

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sỹ C - Phó Chủ tịch UBND thành phố V; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.3. Chủ tịch UBND phường Q, thành phố V, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T - Chủ tịch UBND phường Q, thành phố V, tỉnh N; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.4. Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố V, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T - Chủ tịch UBND phường Q, thành phố V, tỉnh N; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962; địa chỉ: Khối 9, phường Q, thành phố V, tỉnh N; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Xuân B, bà Nguyễn Thị Đ (theo Giấy ủy quyền ngày 19/3/2019 và ngày 20/3/2019):*

- Bà Nông Thị N, sinh năm 1987; địa chỉ: Khối 3, phường Trung Đ, thành phố V, tỉnh N; có mặt.

- Bà Trịnh Thị Hoài T, sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm 3, xã Nam T, huyện Nam Đ, tỉnh N; vắng mặt.

*Người kháng cáo:* Ông Trương Xuân B; có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo người khởi kiện ông Trương Xuân B và người đại diện theo ủy quyền của ông B trình bày:*

Tháng 10/2016, thực hiện dự án quy hoạch phân lô đất ở dân cư tại khối 9, phường Q, thành phố V, tỉnh N; Ủy ban nhân dân thành phố V đã có quyết định thu hồi đất thửa số 265, tờ bản đồ số 23, diện tích toàn thửa là 1.420m<sup>2</sup> và thửa số 258, tờ bản đồ số 23, diện tích toàn thửa là 4.222,8m<sup>2</sup>. Ông B cho rằng gia đình ông đang sử dụng diện tích 566,71m<sup>2</sup> trong thửa đất 265 và 590m<sup>2</sup> trong thửa đất 258 bị thu hồi, nhưng gia đình không được nhận quyết định thu hồi đất, không được bồi thường, hỗ trợ về đất. Sau tìm hiểu mới biết do UBND phường Q xác định không đúng nguồn gốc, quá trình và hiện trạng sử dụng đất. Ông đã có đơn xin xác nhận nguồn gốc quá trình sử dụng đất nhưng không được giải quyết nên ông làm đơn khiếu nại. Chủ tịch UBND phường Q đã ban hành Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 về việc giải quyết khiếu nại lần hai nhưng ông không đồng ý.

Ngày 09/10/2018, ông Trương Xuân B khởi kiện vụ án hành chính đề nghị:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần hai và hủy Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch UBND phường Q về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của hộ ông Trương Xuân B;

- Buộc UBND phường Q xác nhận nguồn gốc, quá trình và chủ sử dụng đất thửa số 265, tờ bản đồ số 23, diện tích 566,71m<sup>2</sup> và thửa số 258, tờ bản đồ số

23, diện tích 590m<sup>2</sup> tại khối 9, phường Q, thành phố V, tỉnh N là của gia đình ông B;

- Buộc UBND thành phố V phải bồi thường diện tích đất đã thu hồi nêu trên cho gia đình ông.

Lý do khởi kiện: Diện tích các thửa đất trên do gia đình ông B khai hoang năm 1976, đến năm 1979 nhập vào Hợp tác xã (HTX) A để sản xuất chung. Năm 1992, HTX A chia đất lâu dài và thực hiện chính sách bù rút (đất dự phòng); đến năm 1994, không thực hiện chính sách bù rút nữa, thửa đất số 258 được HTX giao khoán cho gia đình ông, gia đình ông vẫn sử dụng đất trồng lúa và nộp sản lượng đầy đủ đến năm 2006 thì không phải nộp nữa. Năm 2001, Nhà nước đo đạc lại bằng máy do vũng đất trũng không có bờ nên đo chung vào một thửa và ghi vào sổ khoán của bà Bùi Thị T với tổng diện tích là 4.222,8m<sup>2</sup>; thửa 265 không có sổ giao khoán. Gia đình ông sử dụng các thửa đất nói trên ổn định vào mục đích đất nông nghiệp không tranh chấp với ai không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt hoặc nhắc nhở về hành vi lấn chiếm. Đến năm 2011, do làm đường Lê Ninh đất bị ngập úng nên gia đình không sản xuất lúa mà chuyển sang trồng rau muống cho đến khi thu hồi đất. Tháng 10/2016, thực hiện dự án quy hoạch phân lô đất ở dân cư, Ủy ban nhân dân thành phố V đã có quyết định thu hồi toàn bộ thửa đất; diện tích hai thửa đất của gia đình ông sản xuất nằm trong tổng diện tích đất bị thu hồi nhưng do Ủy ban nhân dân phường Q xác định không đúng nguồn gốc, quá trình và hiện trạng sử dụng đất nên gia đình ông không được bồi thường, hỗ trợ về đất là không đúng khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 và việc gia đình ông ngừng sản xuất lúa vào năm 2011 là do trở ngại khách quan theo quy định tại khoản 1 Điều 156 Bộ luật Dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện để đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Đ đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện.

Ý kiến của người bị kiện:

- Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND thành phố V và UBND thành phố V trình bày:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Trương Xuân B đối với Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch UBND phường Q về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Chủ tịch UBND thành phố V đã thành lập Đoàn kiểm tra xác minh, giải quyết khiếu nại. Đoàn xác minh đã làm việc với ông B thì ông B không cung cấp được giấy tờ, tài liệu theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ để chứng minh gia đình ông B được giao khoán thửa số 265 diện tích 566,71m<sup>2</sup> và thửa số 258 diện tích 590m<sup>2</sup> tại khối 9, phường Q từ năm 1992 và đã sử dụng ổn định, liên tục đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất.

Trong sổ khoán hộ xã viên đội 1, HTX nông nghiệp A lập năm 1992 không thể hiện việc đội sản xuất và HTX giao khoán các thửa đất nêu trên cho

gia đình ông B mà chỉ thể hiện thửa 258 tờ bản đồ số 23 là thửa đất xứ vật liệu thuộc quỹ đất dự phòng của HTX A và Đới cho một số hộ trong đó có hộ ông B mượn để sản xuất; thửa 265 tờ bản đồ số 23 không thể hiện trong sổ giao khoán. Tại hồ sơ đo đạc năm 2001 và bảng thống kê diện tích, loại đất, chủ sử dụng đất theo hiện trạng, sổ mục kê đất đai năm 2001 thể hiện thửa số 258, thửa số 265 tờ bản đồ số 23 là đất có mặt nước chưa sử dụng; trước năm 2005, do UBND xã Y quản lý; từ năm 2005, do UBND phường Q quản lý, không giao cho ai sử dụng. Tại thời điểm thu hồi đất, trích lục đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên Môi trường phê duyệt ngày 07/4/2015 thể hiện thửa số 258, thửa số 265 tờ bản đồ số 23 là đất có mặt nước chuyên dùng. Từ năm 2011, gia đình ông B cũng không sản xuất trên các thửa đất trên; sổ giao khoán của ông B có sửa chữa, tẩy xóa nên không thể căn cứ vào sổ khoán này để xác định. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với hộ ông B là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 27/4/2019 của Chủ tịch UBND thành phố V.

- Người đại diện theo ủy quyền của UBND phường Q và Chủ tịch UBND phường Q trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 265, tờ bản đồ số 23, tổng diện tích 1.420m<sup>2</sup> và thửa số 258, tờ bản đồ số 23, tổng diện tích 4.222,8m<sup>2</sup> tại khối 9, phường Q theo Bản đồ địa chính đo đạc năm 2001 là đất mặt nước hoang (ký hiệu MN/Hg). Thửa đất số 265, tờ bản đồ số 23 không thể hiện trong sổ giao khoán tổng của HTX; thửa đất số 258, tờ bản đồ số 23 thuộc quỹ đất dự phòng (bù rút) của HTX A cho các hộ gia đình mượn để sản xuất trong đó có hộ ông B do các hộ gia đình này đã nhận đủ đất giao khoán theo quy định và có nhu cầu sản xuất thêm nên HTX cho mượn. HTX không giao khoán các thửa đất này cho các xã viên, không có trong sổ khoán tổng, còn sổ gia đình ông B cung cấp bị tẩy xóa. Gia đình ông B có sản xuất một phần diện tích trong hai thửa đất nêu trên đến năm 2011 thì không sản xuất nữa, hiện trạng hai thửa đất tại thời điểm thu hồi bỏ hoang do ngập úng nên UBND phường Q không xác nhận nguồn gốc, quá trình, chủ sử dụng đất cho gia đình ông B là có cơ sở. Trình tự thủ tục ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường Q là đúng quy định nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2019/HC-ST ngày 22/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh N đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính; Điều 17, khoản 2 Điều 18, Điều 29, 30, 31, 38, 39, 40 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 22, khoản 2 Điều 77, khoản 2 Điều 101, Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Xuân B đề nghị:

- Hủy Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần hai và hủy Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trương Xuân B;

- Buộc Ủy ban nhân dân phường Q xác nhận nguồn gốc, quá trình, chủ sử dụng đất và buộc UBND thành phố V bồi thường đối với thửa đất số 265 diện tích 566,71m<sup>2</sup> và thửa số 258 diện tích 590m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 23 tại khối 9, phường Q, thành phố V, N cho hộ ông Trương Xuân B.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 04/11/2019, ông Trương Xuân B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trương Xuân B và bà Nguyễn Thị Đ, ông Trương Xuân B đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông B; sửa quyết định của bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Trương Xuân B; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm 28/2019/HC-ST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận; Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về tố tụng: Ngày 09/10/2018, ông Trương Xuân B khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Tòa án nhân dân tỉnh N thụ lý giải quyết theo đúng quy định tại Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Đối với Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch UBND phường Q về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; hành vi hành chính không xác nhận nguồn gốc, quá trình, chủ sử dụng đất và yêu cầu buộc UBND thành phố V bồi thường cho gia đình ông Trương Xuân B đối với thửa số 265 diện tích 566,71m<sup>2</sup> và thửa số 258 diện tích 590m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 23 tại khối 9, phường Q, thành phố V, N đã hết thời hiệu khởi kiện nhưng là quyết định hành chính và hành vi hành chính liên quan nên được xem xét là đúng theo quy định tại Điều 193 Luật tố tụng Hành chính.

[2] Xét kháng cáo của ông Trương Xuân B:

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành quyết định hành chính: Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Trương Xuân B về việc UBND phường Q, thành phố V xác nhận nguồn gốc, quá trình, chủ sử dụng các thửa đất 258 tờ bản đồ số 23 diện tích 590m<sup>2</sup>, thửa 265 tờ bản đồ số 23 diện tích 566,71m<sup>2</sup> tại khối 9, phường Q, thành phố V không đúng dẫn đến gia đình ông không được bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi các thửa đất nêu trên để thực hiện Dự án quy hoạch chia lô đất ở dân cư. Chủ tịch UBND phường Q đã thành lập đoàn xác minh giải quyết khiếu nại. Trên cơ sở báo cáo của đoàn xác minh khiếu nại, kết quả đối thoại, Chủ tịch UBND phường Q đã ban hành Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Trương Xuân B. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND phường Q, ông B đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố V. Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông B, Chủ tịch UBND thành phố V đã thành lập đoàn xác minh giải quyết khiếu nại. Trên cơ sở báo cáo của đoàn xác minh, kết quả đối thoại, Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 về việc giải quyết khiếu nại lần hai có nội dung công nhận và giữ nguyên Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch UBND phường Q về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trương Xuân B là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 17, khoản 2 Điều 18, Điều 29, Điều 30, Điều 31, Điều 38, Điều 39, Điều 40 Luật Khiếu nại và Điều 204 Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung:

Theo Hồ sơ quản lý đất đai: Bản đồ địa chính đo đạc năm 2001; bảng thống kê diện tích loại đất, chủ sử dụng đất theo hiện trạng; sổ mục kê đất đai năm 2001 của xã Y thể hiện hai thửa đất trên là đất mặt nước chưa sử dụng (ký hiệu MN/Hg). Trước năm 2005, do UBND xã Y quản lý, từ năm 2005 đến nay do UBND phường Q quản lý, không giao cho ai sử dụng.

Theo xác minh thì HTX nông nghiệp Đông Hưng II không giao khoán hai thửa đất này cho ông Trương Xuân B, đối với thửa số 258 ở xứ đồng vật liệu trong sổ giao khoán Thuần Hà không thể hiện loại đất gì, sổ giao khoán Bình Đào thể hiện có 02 thửa đất xứ đồng vật liệu là thửa số 228, 229 và thể hiện là đất hoang; sổ giao khoán do bà Thuần và ông B giữ, có nhiều loại chữ, có dấu hiệu tẩy xóa nhưng không có xác nhận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong sổ khoán hộ xã viên đội 1 HTX nông nghiệp A thể hiện thửa đất số 258 ở xứ đồng vật liệu là đất mương; theo báo cáo của HTX nông nghiệp A thì thửa đất số 258 thuộc quỹ đất dự phòng (bù rút) của HTX A cho các hộ gia đình mương để sản xuất trước năm 1993 do các hộ đã nhận đủ đất giao khoán theo quy định và có nhu cầu sản xuất thêm nên HTX cho mương. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông B khẳng định không được giao khoán 02 thửa số 228, 229. Tại thời điểm thu hồi đất, trích lục đo vẽ bổ sung bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên Môi trường phê duyệt ngày 07/4/2015 thể hiện thửa số 265 và số 258 tờ bản đồ số 23 là đất có mặt nước chuyên dùng (MNC). Từ năm 1993 đến năm 2011, gia đình ông B có sản xuất lúa trên một

phần thửa đất số 265 và thửa số 258 tờ bản đồ số 23 nhưng không đăng ký việc sử dụng đất, không thực hiện nghĩa vụ tài chính. Từ năm 2011, đến khi thu hồi đất năm 2016, ông B không còn sản xuất trên các thửa đất đó; toàn bộ các thửa đất đều bỏ hoang; ông B thừa nhận 02 thửa đất nêu trên bỏ hoang từ năm 2011. Do đó, việc ông B yêu cầu UBND phường Q, thành phố V xác nhận gia đình ông B được giao khoán và sử dụng ổn định thửa đất số 265 diện tích 566,71m<sup>2</sup>, thửa đất số 258 diện tích 590m<sup>2</sup> và yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố V bồi thường diện tích hai thửa đất này là không có căn cứ. Chủ tịch UBND phường Q ban hành Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 giải quyết khiếu nại lần hai với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Trương Xuân B là đúng quy định tại Điều 21 Nghị định số 43/2013/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 4 Điều 22, khoản 2 Điều 77, khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông B là có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Xuân B.

[3] Về án phí: Ông Trương Xuân B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên thuộc đối tượng được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo; không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của ông Trương Xuân B; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 28/2019/HC-ST ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh N.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Điều 17, khoản 2 Điều 18, Điều 29, 30, 31, 38, 39, 40 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 22, khoản 2 Điều 77, khoản 2 Điều 101, Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Xuân B đề nghị:

- Hủy Quyết định số 2466/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần hai và hủy Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố V về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trương Xuân B;

- Buộc Ủy ban nhân dân phường Q xác nhận nguồn gốc, quá trình, chủ sử dụng đất và buộc UBND thành phố V bồi thường đối với thửa đất số 265 diện tích 566,71m<sup>2</sup> và thửa số 258 diện tích 590m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 23 tại khối 9, phường Q, thành phố V, tỉnh N cho hộ ông Trương Xuân B.

Về án phí: Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Trương Xuân B. Hoàn trả cho ông Trương Xuân B 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh N theo Biên lai số 0000945 ngày 26/12/2018.

Ông Trương Xuân B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND CC tại Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh N;
- TAND tỉnh N;
- Các đương sự;
- Lưu: HSV.A.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Lê Thị Thúy Bình**